

Số: /BC-STP

Bình Định, ngày tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
Công tác Cải cách hành chính Quý III năm 2021

Thực hiện Quyết định số 56/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Định về Quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực nội vụ trên địa bàn tỉnh Bình Định, Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác Cải cách hành chính Quý III năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ chương trình kế hoạch công tác năm 2021, Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Sở Tư pháp Bình Định năm 2021 kèm theo Quyết định số 187/QĐ-STP ngày 31/12/2020. Nội dung Kế hoạch cụ thể, phân công rõ trách nhiệm của các phòng, đơn vị thuộc Sở, xác định rõ kết quả đạt được và thời gian hoàn thành.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Giám đốc Sở phụ trách công tác cải cách hành chính; phân công cấp phó, trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính của phòng, đơn vị được giao.

Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 phù hợp với tình hình của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đã đề ra.

Quán triệt, chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có liên quan tham gia vào quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp toàn diện, sát với thực tế; duy trì các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Sở, giao ban lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở. Qua đó đánh giá kịp thời tình hình thực hiện nhiệm vụ, Kế hoạch công tác của các phòng, đơn vị và triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo sự thông suốt trong công tác chỉ đạo, điều hành.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 15/KH-STP ngày 12/3/2021 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021.

Đã kiểm tra định kỳ theo kế hoạch tại 05 đơn vị trực thuộc Sở, đồng thời các đơn vị đã hoàn thành khắc phục được những tồn tại, hạn chế phát sinh trong quá trình kiểm tra.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính năm 2020, Sở Tư pháp xây dựng Kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của Sở Tư pháp năm 2021¹.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Ban hành Kế hoạch số 12/KH-STP ngày 09/3/2021 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021. Theo đó, yêu cầu các đơn vị thuộc Sở căn cứ vào Kế hoạch và nhiệm vụ của đơn vị mình để chủ động trong việc tuyên truyền về công tác cải cách hành chính.

Trước bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 hết sức phức tạp, Giám đốc Sở đã chỉ đạo đưa ra các hình thức tuyên truyền, khuyến khích nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4 và đăng ký nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, tiết kiệm chi phí của công dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính tại Cổng dịch vụ công tỉnh Bình Định (<http://dichvucong.binhdinhh.gov.vn>)² nhằm góp phần phòng, chống dịch Covid-19.

Thực hiện theo Kế hoạch đề ra tiếp tục tổ chức tuyên truyền về cải cách hành chính tại các buổi họp cơ quan, họp công đoàn, quán triệt công chức, viên chức là một tuyên truyền viên giới thiệu, hướng dẫn cho người thân, bạn bè, tổ chức, công dân về các văn bản, quy định, quy trình, hướng dẫn nộp hồ sơ, thực hiện các vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính ..., Ngoài ra Ban biên tập thường xuyên đưa các tin, bài về cải cách hành chính, thực hiện đăng tải hơn 20 tin, bài về CCHC qua các phương tiện thông tin truyền thông (Trang thông tin điện tử Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Bình Định³, Báo Bình Định⁴ và Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp⁵) đồng thời thực hiện đăng tải các văn bản, quy định mới lên Trang thông tin điện tử của cơ quan.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

- Tham gia thẩm định 67 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; góp ý 44 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

¹ Kế hoạch số 33/KH-STP ngày 29/07/2021 của Sở Tư pháp.

² Thông báo số 36/TB-STP ngày 09/07/2021; Thông báo số 39/TB-STP ngày 21/07/2021; Thông báo số 42/TB-STP ngày 03/08/2021 của Sở Tư pháp.

³ <https://pbgdpl.binhdinhh.gov.vn/vi/news/tin-tuc-hoat-dong/cong-tac-cai-cach-hanh-chinh-6-thang-dau-nam-2021-tai-so-tu-phap-138.html>

⁴ <https://baobinhdinhh.vn/viewer.aspx?macm=15&macmp=15&mabb=184175>

⁵ <http://stp.binhdinhh.gov.vn/newsgroup.php?portal=Portals&id=96&pr=1>

- Ban hành 13 văn bản tham gia ý kiến, đề xuất triển khai thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao, theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh ban hành Báo cáo tình hình thực hiện Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất hướng xử lý đối với 12 vụ việc vi phạm hành chính theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh và Lãnh đạo Sở: Đề xuất xử lý VPHC đối với ông Nguyễn Thanh Phong trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đề xuất xử lý VPHC đối với ông Ngô Đình Sa Vi trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đề xuất hoàn trả số tiền nộp phạt của DNTN Hiền Hòa; xác lập lại hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp liên quan đến vụ việc của ông Nguyễn Đức Long - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hiền Hòa; đề xuất bổ sung hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với DN Đức Cường...

- Trình UBND tỉnh ban hành: Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh⁶; Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định⁷ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-STP ngày 16/3/2021 về Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Đăng ký danh sách cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC tại Sở Tư pháp gửi Văn phòng UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Qua nghiên cứu, rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, Sở Tư pháp đăng ký rà soát, đánh giá năm 2021 đối với 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hộ tịch, được Chủ tịch UBND tỉnh thông qua Phương án đơn giản hóa⁸.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính⁹ trên các lĩnh vực: Công chứng, Lý lịch tư pháp, Trợ giúp pháp lý, Giám định tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp. Trong đó, có 34 TTHC cấp tỉnh, 00 TTHC cấp huyện và 01 TTHC cấp xã. Đồng thời, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ¹⁰ giải quyết đối với các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực nêu trên.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

⁶ Quyết định số 92/BC-UBND ngày 19/06/2021.

⁷ Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 24/06/2021.

⁸ Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 03/08/2021.

⁹ Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 05/07/2021, Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 08/07/2021, Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 28/07/2021, Quyết định số, Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 12/08/2021, Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 31/08/2021.

¹⁰ Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 30/06/2021, Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 05/07/2021, Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 08/07/2021, Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 21/07/2021, Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 28/07/2021, Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 05/08/2021 3394/QĐ-UBND ngày 13/08/2021, Quyết định số 3696/QĐ-UBND ngày 06/09/2021, Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 06/09/2021.

Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 19/03/2021 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp; Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/06/2021 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Bình Định, Các đơn vị trực thuộc Sở đã xây dựng hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm¹¹ theo quy định.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 27/05/2021 Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Về tổ chức bộ máy:

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo
1. Số phòng thuộc Sở	05	05
2. Số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	05	05

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Về quản lý biên chế

Tổng số biên chế, lao động được giao			Tổng số biên chế, lao động hiện có		
Biên chế hành chính		Biên chế sự nghiệp	Biên chế hành chính		Biên chế sự nghiệp
Biên chế	Hợp đồng lao động		Biên chế	Hợp đồng lao động	
29 ¹²	3	23	29	3	23

- Thực hiện các quy định quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo (số lượng)				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
Đối với Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc sở và tương đương	07	0	0	1¹³		
Bổ nhiệm mới	03					

¹¹ Quyết định số 15/QĐ-PCC ngày 04/08/2021 của Phòng công chứng số 1, Quyết định số 12/QĐ-TTBDG ngày 11/08/2021 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Quyết định số 29/QĐ-PCC2 ngày 04/08/2021 của Phòng công chứng số 2, Quyết định số 15/QĐ-PCC3 ngày 10/08/2021 của Phòng công chứng số 3, Quyết định số 3575/QĐ-UBND ngày 27/08/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm; Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp.

¹² Công văn số 1702/UBND-NC ngày 30/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh chỉ tiêu biên chế công chức năm 2021

¹³ Quyết định số 103/QĐ-STP ngày 24/08/2021 của Sở Tư pháp.

Bổ nhiệm lại	02					
Luân chuyển	02					
Từ chức	0					
Miễn nhiệm	0					
Kỷ luật	0					
Số lượng công chức, viên chức được tuyển dụng	02	0	0	0		
Công chức	02					
Viên chức	0					

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

- Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-STP ngày 12/3/2021 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021.

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
1. Số lượt công chức hành chính	12	01		9		
Đào tạo từ trình độ Thạc sỹ trở lên						
Đào tạo trình độ đại học						
Đào tạo ngắn hạn	02					
Lớp bồi dưỡng, tập huấn	10	01	02	02		
2. Viên chức sự nghiệp	05					
Đào tạo từ trình độ Thạc sỹ trở lên						
Đào tạo trình độ đại học						
Đào tạo ngắn hạn	03					
Lớp bồi dưỡng, tập huấn	02			01		

5. Cải cách tài chính công

Sở Tư pháp đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công kèm theo Quyết định số 32/QĐ-STP ngày 12/3/2021.

Văn phòng Sở Tư pháp và 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở¹⁴ đã thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ. Thực hiện đúng quy định về cải cách tài chính công theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 24/4/2006, Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP.

¹⁴ Phòng Công chứng số 1, Phòng Công chứng số 2, Phòng Công chứng số 3, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, Sở Tư pháp đã nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách hàng năm, thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng nội dung và định mức chi được quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm; phân cấp nguồn chi một cách hợp lý.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại cơ quan, đơn vị

Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 44/KH-STP ngày 25/12/2020 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số/chính quyền số năm 2021; Kế hoạch số 11/KH-STP ngày 08/3/2021 về Ứng dụng công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn thông tin mạng tại Sở Tư pháp giai đoạn 2021 - 2025.

Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tăng cường sử dụng hệ thống hộp thư điện tử để trao đổi thông tin chuyên môn; Tăng cường sử dụng chữ ký số, hệ thống Văn phòng điện tử; tạo lập hồ sơ công việc xử lý dưới dạng điện tử và ứng dụng các phần mềm chuyên ngành vào hoạt động của cơ quan.

Thường xuyên kiểm tra vận hành mạng LAN và mạng Internet, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, bảo đảm bảo mật theo quy định; Tiếp tục cải tiến, nâng cấp và bảo đảm hoạt động có hiệu quả Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ nộp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công tỉnh theo quy định đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Lý lịch tư pháp.

b) Tình hình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001

Số thủ tục hành chính áp dụng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Tư pháp: theo Quyết định số 182/QĐ-STP ngày 29/12/2020 của Sở Tư pháp về việc Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sở Tư pháp đã chủ động trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo điều hành, trong hoạt động của cơ quan và trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2021

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác và nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đã đề ra. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền phổ biến kịp thời đến công chức, viên chức các văn bản của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến cải cách hành chính.

- Căn cứ Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của Sở, các phòng, đơn vị tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ trong những tháng cuối năm 2021.

- Nghiên cứu, đề ra các giải pháp tuyên truyền có hiệu quả tới người dân tăng cường nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí trực tuyến, nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; nhất là trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra hết sức phức tạp.

- Công bố mở rộng, thu hẹp Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính Quý III năm 2021, Sở Tư pháp gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Châu Thị Hương Lan

Phụ lục
THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STP ngày /9/2021 của Sở Tư pháp)

1. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị

Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
		Số TTHC được công bố đúng thời gian quy định	Số TTHC được công bố chậm so với thời gian quy định			Số TTHC liên thông ngang ¹⁵	Số TTHC liên thông dọc ¹⁶	
119 ¹⁷	62	62	0	31	13	02	11	

b) Tình hình giải quyết hồ sơ

TT	Lĩnh vực	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
1	Công chứng	2	0	2	2	2	0	1	1	0	
2	Đấu giá tài sản	1	1	0	1	1	0	0	0	0	
3	Hòa giải	1	0	1	1	1	0	0	0	0	

¹⁵ Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC

¹⁶ Liên thông giữa các cơ quan hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC

¹⁷ Một số TTHC được bãi bỏ theo quyết định 2833/QĐ-UBND ngày 05/07/2021, Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 31/08/2021 của chủ tịch UBND tỉnh.

	thương mại										
4	Luật sư	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
5	Lý lịch tư pháp	912	247	665	861	861	0	51	51	0	
Tổng cộng		912	248	671	876	867	0	52	52	0	

c) Tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)

Số TTHC đăng ký TN&TKQ qua dịch vụ BCCI		Số hồ sơ đã tiếp nhận			Số hồ sơ đã trả kết quả			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
Tổng số	Số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI		Số hồ sơ tiếp nhận tại nơi giải quyết	Số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		Số hồ sơ đã trả kết quả tại nơi giải quyết	Số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
01 ¹⁸	01	415	198	217	460	198	262	

2. Về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính

Số lượng phòng chuyên môn trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện		Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương		Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
05	0	4	+1	18	0	29	+1	0	0	

3. Về cải cách chế độ công vụ, công chức

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	10	

¹⁸ Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.

2	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc chưa bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0	
3	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt		
4	Số đơn vị sự nghiệp chưa bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt		
5	Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất trong quá trình triển khai thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm		
6	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (trong kỳ báo cáo)	0	

4. Về cải cách tài chính công

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	01	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ	05	
2.1	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	01 ¹⁹	
2.2	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	03 ²⁰	
2.3	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0	
2.4	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	01 ²¹	
3	Số đơn vị hành chính cấp xã được giao tự chủ hành chính (đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố)		

¹⁹Phòng Công chứng số 1.

²⁰Phòng Công chứng số 2, Phòng Công chứng số 3, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

²¹Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước.

5. Kết quả ứng dụng CNTT và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ tiếp nhận			
	Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng	
471	0	471	0	0	0	0	49	560	0	560	

6. Xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số TTHC áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001	119/119 ²²	

²² Số lượng TTHC áp dụng tiêu chuẩn iso 9001 giảm do một số TTHC được bãi bỏ theo quyết định 2833/QĐ-UBND ngày 05/07/2021, Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 31/08/2021 của chủ tịch UBND tỉnh.

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CẢI CÁCH THỂ CHẾ
(Số liệu tính từ ngày 15/6/2020 đến ngày 14/9/2021)

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Kết quả ban hành VBQPPL theo phân công của UBND tỉnh		
1.1	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	47	
1.2	Số VBQPPL đã được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	47	
1.3	Số VBQPPL đã được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	47	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền trong kỳ báo cáo	24	
2.2	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	0	
2.3	Số VBQPPL trái pháp luật đã được xử lý	0	
2.4	Số VBQPPL trái pháp luật chưa được xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	Rà soát VBQPPL		
3.1	Triển khai rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định
3.2	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	47	
-	Đã được rà soát	47	

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
-	Chưa được rà soát	0	
3.3	Số VBQPPL được đề nghị xử lý sau rà soát trong kỳ báo cáo	26	<p>Các Quyết định của UBND tỉnh:</p> <p>Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 93/2020/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND;</p> <p>Quyết định số 56/2015/QĐ-</p>

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
			UBND; Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND; Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND; Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND; Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND; Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND; Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND; Quyết định số 61/2019/QĐ-UBND; Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND; Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND; Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND; Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND; Nghị quyết số 33/2015/NQ-

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
			HĐND; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND.
-	Số VBQPPL đã được xử lý sau rà soát trong kỳ báo cáo	26	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	
4	Triển khai kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật		Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021 trên địa bàn tỉnh.
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch	03	
-	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch	02	(01 nhiệm vụ chưa thực hiện được do diễn biến phức tạp của dịch bệnh covid-19: nhiệm vụ kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong quý II/2021)

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI SỞ TƯ PHÁP QUÝ III NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STP ngày /9/2021 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			Quyết định số 187/QĐ-STP ngày 31/12/2020 của Sở Tư pháp
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	07 nội dung với 30 nhiệm vụ	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		Xây dựng các kế hoạch: cải cách hành chính; kiểm soát TTHC; tuyên truyền CCHC; kiểm tra CCHC; Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC; ứng dụng công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng...
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	11	
1.2.	Kiểm tra CCHC			Kế hoạch số 15/KH-STP ngày 12/3/2021 của Sở Tư pháp
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	25	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	24	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	47	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	26	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	26	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	04	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	Bãi bỏ 26	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	168	Các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã).
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	119	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	32	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	39	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục		
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục		
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	0	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	29	Thực hiện theo Quyết định số 5279/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về Giao chỉ tiêu biên chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				công chức, biên chế sự nghiệp; chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	29	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	3	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	Thực hiện theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh về thực hiện tin giản biên chế của tỉnh năm 2021.
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	6,5	Biên chế được giao năm 2015: 31 biên chế; Biên chế được giao năm 2021: 29 biên chế.
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			Thực hiện theo Quyết định số 5279/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về Giao chỉ tiêu biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	23	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	23	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	Thực hiện theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 16/3/2021 của UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				về thực hiện tin giản biên chế của tỉnh năm 2021.
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	56	Biên chế được giao năm 2015: 52 biên chế; Biên chế được giao năm 2021: 23 biên chế.
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	6	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	5	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	1	Sát hạch tiếp nhận vào công chức tại Phòng Tư pháp huyện An Lão
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo		0	
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện =		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	1	Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Sở Tư pháp.
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	Phòng Công chứng số 1
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	03	Phòng Công chứng số 2, Phòng Công chứng số 3, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản.
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy	Cơ quan, đơn vị	01	Trung tâm Trợ giúp pháp lý

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>kể đến thời điểm báo cáo)</i>			nhà nước
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	471	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	49	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	Không có hồ sơ phát sinh
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100	Số hồ sơ phát sinh: 560; số hồ sơ được xử lý: 560.